

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Văn Thanh;

2. Bà Hoàng Thị Giang.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lý Thị Sính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị S, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nông Văn H, sinh năm 1992; đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/6/2024, các lời khai sau đó, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị Trần Thị S và anh Nông Văn H được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm và tự nguyện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/9/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

cho đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh Nông Văn H không tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Chị có khuyên bảo nhưng anh Nông Văn H không nghe, thậm chí còn nhiều lần chửi bới, đánh đập chị. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, đến năm 2020 vợ chồng không còn quan tâm, không còn tình cảm gì với nhau nên chị đưa con về nhà mẹ đẻ tại địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để sinh sống. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc, không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm, anh Nông Văn H cũng không thăm con hay chu cấp gì cho chị nuôi con. Nay, chị Trần Thị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa. Chị Trần Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn H.

Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H có 01 (một) con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nông Thị L sống cùng chị Trần Thị S. Khi ly hôn chị Trần Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nông Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị S làm công việc tự do có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/ 1 tháng, có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ là bà Lê Thị Sự, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Mẹ đẻ chị cam kết hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị Trần Thị S đảm bảo mình đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Nguyên đơn chị Trần Thị S đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Văn H trình bày:

Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời khai của chị Trần Thị S. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, tuy có cãi chửi nhau nhưng không đánh nhau. Từ năm 2021 anh Nông Văn H đi làm ăn xa đến tết mới về, năm 2022 đến nay anh đi làm ăn xa, tết cũng không về. thỉnh thoảng anh có liên lạc về với chị Trần Thị S và có gửi tiền chu cấp cho con khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) có khi khoảng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) vào tài khoản của em trai anh Nông Văn H để em trai anh rút tiền đưa cho chị Trần Thị S. Anh Nông Văn H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không thường xuyên quan tâm, hỏi thăm được vợ con. Hơn nữa, do kinh tế gia đình khó khăn nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần đến không còn tình cảm. Trong thời gian anh đi làm ăn xa thì chị Trần Thị S tự mang con gái bỏ đi, bản thân anh và gia đình không đuổi đánh gì. Nay, anh Nông Văn H cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên đồng ý ly hôn với chị Trần Thị S.

Về con chung: Anh Nông Văn H nhất trí với yêu cầu của chị Trần Thị S.

Chị Trần Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H làm công việc tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở tại thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nhưng anh phải đi làm ăn xa không trực tiếp nuôi con được. Anh Nông Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị S không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2024 cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 trình bày cháu mong muốn được sống cùng với mẹ là chị Trần Thị S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/9/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016 do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Trần Thị S yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Nông Văn H cũng nhất trí ly hôn với chị Trần Thị S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nông Văn H. Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H có 01 con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016. Xét thấy chị Trần Thị S có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân cháu Nông Thị L cũng mong muốn được sống cùng với chị Trần Thị S. Mặt khác anh Nông Văn H hiện nay phải đi làm ăn xa không trực tiếp nuôi con được, không đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H đều có ý kiến thống nhất để chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 đến khi 18 tuổi. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị S không yêu cầu. Anh Nông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn H cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/9/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị S và anh Nông Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương nhau và không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Chị Trần Thị S yêu cầu ly hôn, anh Nông Văn H nhất trí ly hôn nhưng do chị Trần Thị S có yêu cầu không hoà giải và xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không công nhận sự thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị S và anh Nông Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H có 01 (một) con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016, hiện đang sống với chị Trần Thị S. Cả chị Trần Thị S và anh Nông Văn H đều thống nhất giao con chung cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị S có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, được mẹ đẻ giúp đỡ, hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời cháu Nông Thị L cũng có nguyện vọng được sống cùng chị Trần Thị S. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị S không yêu cầu. Anh Nông Văn H có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Nông Văn H thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị S và anh Nông Văn H đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị S được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nông Văn H. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 35, đăng ký ngày 30/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị S không yêu cầu. Anh Nông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Nông Văn H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang

